

ÔNG PHẬT HAY ÔNG BỤT

Trường Trung cấp Phật Học Bình Thuận - 2002

Hôm nay chúng tôi đủ duyên về đây dự lễ Khánh thành Trường Trung cấp Phật Học tỉnh Bình Thuận, đồng thời được ban tổ chức mời giảng một thời. Vì lòng tha thiết của Tăng Ni, Phật tử nên tôi cố gắng nói một thời pháp nhỏ để quý vị nhớ tu hành.

Đề tài tôi nói hơi lạ một chút Ông Bụt và ông Phật là một hay hai. Tất cả chúng ta ai có đọc lại những áng văn cổ của Việt Nam, từ thế kỷ thứ 13 trở về trước sẽ thấy nói đến ông Bụt chứ không gọi ông Phật như ngày nay. Vậy ông Bụt và ông Phật là một hay hai. Nếu một thì ngày xưa đúng hay bây giờ đúng? Đây là một vấn đề nhỏ nhưng cũng rất quan trọng, có liên quan đến sự tu hành của chúng ta.

Lịch sử Việt Nam ngày xưa có những chuyện như Tấm Cám... trong đó hình ảnh Bụt hiện ra rất đẹp, cứu độ người hiền lành, nghèo khó. Chớ không nói Phật độ. Nhưng bây giờ chúng ta lại lễ Phật, cầu Phật cứu độ, mà không nói Bụt. Chắc rằng quý vị đồng ý ông Bụt và ông Phật là một, chớ không phải hai, nhưng tại sao trên từ ngữ lại khác nhau?

Nhiều người cứ nghĩ rằng Phật giáo Việt Nam là từ Trung Quốc truyền sang, nhưng thật sự không phải như vậy. Nếu nói khởi đầu là khoảng thế kỷ thứ hai thứ ba, Phật giáo nước ta đã sung thịnh rồi, do các Sư từ Ấn Độ truyền sang. Từ thế kỷ thứ hai thứ ba, đến thế kỷ thứ mười ba chúng ta đã được nghe hiệu Bụt. Bởi vì thời xưa vùng Luy Lâu cách Hà Nội chừng ba mươi cây số, nơi đó việc buôn bán rất nhộn nhịp. Thương nhân trong cũng như ngoài nước tụ hội về đây buôn bán rất đông. Cho nên có những vị sư theo thuyền buôn từ Ấn Độ sang Việt Nam truyền giáo luôn. Chữ Bụt phát xuất từ tiếng Phạn Buddha. Chữ "Bud" dịch là giác ngộ, chữ "dha" dịch là người, chúng ta kính trọng nên gọi là ông.

Như vậy Buddha là người giác ngộ. Nhưng tại sao dân ta lại gọi là ông Bụt mà không gọi ông giác ngộ? Bởi nhiều lý do. Chữ giác ngộ trong nhà Phật là giác ngộ viên mãn hay cùng tột, so với giác ngộ ở thế gian có cạn, sâu khác nhau. Ví dụ như có kẻ ăn trộm được người thân chỉ dạy nhắc nhở, kẻ ấy thức tỉnh bỏ nghề ăn trộm, xóm làng sẽ nói người kia giác ngộ rồi. Chữ giác ngộ này với chữ giác ngộ của Phật cách nhau rất xa. Vì vậy chư Tổ xưa không muốn giải nghĩa mà dùng nguyên chữ Bụt, để chúng ta biết rằng từ này phải giải nghĩa kỹ mới đầy đủ, chớ không thể nói đơn sơ giác ngộ là đủ nghĩa của Phật. Vì vậy người xưa dùng danh từ Bụt. Chữ Buddha là nói chính xác, dân ta gọi trại thành ra "Bụt".

Sau đời Trần đến khoảng giữa đời Lê, quân Minh sang chiếm nước ta. Tất cả kinh sách Phật giáo Việt Nam bị chúng thu gom đem về Kim Lăng, một phần thiêu đốt, phần còn lại sung vào thư khố người Hoa. Vua Trung Quốc nhà Minh bấy giờ xuất thân là một chú Sa di đi tu, sau khởi nghĩa cách mạng đánh giặc thành công được làm vua, tức vua Chu Nguyên Chương. Là Phật tử rồi xuất gia, sau làm vua nhưng tại sao qua Việt Nam ông lại đốt hết sách vở Phật hoặc tóm thu về Trung Hoa? Lý do cũng dễ hiểu thôi, bởi vì người Trung Hoa thấy Phật giáo Việt Nam có mầm mống, có chỗ đứng vững vàng, làm nền tảng cho văn hóa dân tộc Việt Nam, nên ông tóm thu về Tàu hết. Sau khi tóm thu xong, ông tặng lại cho chúng ta tạng kinh đời nhà Minh.

Chữ Buddha nhà Minh dịch âm là Phật đà, gọi tắt là Phật. Như vậy thói quen người xưa kêu Bụt, bây giờ chúng ta gọi là Phật, cả hai từ này đều chỉ cho một vị đã được giác ngộ viên mãn, từ Ấn Độ truyền bá Phật pháp mãi cho tới xứ Việt Nam chúng ta.

Chữ Phật chúng ta dịch theo chữ Buddha là người giác ngộ, Trung Hoa dịch là giác giả cũng chỉ người giác ngộ. Như vậy nói cho rõ nghĩa Phật là người giác ngộ viên mãn, chớ không phải giác ngộ từng phần hay chút ít, phải giác ngộ viên mãn mới gọi là Phật. Vì vậy muốn nói đủ trong kinh thường nói Phật là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Nghĩa là tự mình giác ngộ rồi, chỉ dạy lại cho người khác được giác ngộ như mình. Giác ngộ tròn đầy như vậy gọi là Phật.

Thế thì hiện giờ chúng ta học Phật là học cái gì? Học đạo giác ngộ. Nhưng chúng ta có giác ngộ được chưa? Nói giác ngộ quý vị lại nghi, sợ giác ngộ viên mãn như Phật thì chưa được, nhưng nếu giác ngộ từng phần chúng ta có làm được. Bởi vì từ Bồ-tát nguyên chữ Phạn là Bodhisattva, tức giác từng phần. Bồ-tát là người giác ngộ từng phần, chưa được viên mãn. Nên chư Tăng Ni và Phật tử đều dám thọ giới Bồ-tát, tức nguyện thực hành giác ngộ từng phần.

Tất cả chúng ta tu Phật là tu theo phương pháp đưa tới giác ngộ, đi từ giác ngộ từng phần dần dần tới giác ngộ cao hơn. Vì vậy Bồ-tát có chia ra Thập tín, Thập hạnh, Thập trụ, Thập hồi hướng, Thập địa, rồi tới Đẳng giác, Diệu giác, chừng đó mới gọi là Phật. Tu giác ngộ từng phần rồi tiến từ từ tới giác ngộ viên mãn. Nếu đời này chưa viên mãn, đời sau chúng ta tiếp tục, tu đến khi nào giác ngộ viên mãn thành Phật mới thôi. Đó là sở nguyện trên con đường giác ngộ giải thoát của chúng ta.

Bây giờ nói về giác ngộ và mê lầm. Phật ra đời là cứu khổ chúng sanh, trong tất cả nỗi khổ, không có khổ nào bằng cái khổ mê lầm. Thế nên trong kinh

Phật có đoạn Phật dạy: Đọa xuống địa ngục bị hành hình thiêu đốt chưa phải là khổ, làm nạ quỷ đói khát lang thang chưa phải là khổ, làm thân trâu ngựa kéo xe kéo cày cực khổ cũng chưa phải là khổ; chỉ si mê không biết lối đi mới là khổ.

Như vậy Phật xác nhận si mê là khổ trên tất cả các thứ khổ. Từ si mê chúng ta phải trầm luân muôn kiếp, đọa lạc không biết bao nhiêu lần, sinh đi, tử lại, khi làm người, khi làm vật, khi ở địa ngục, nạ quỷ... mãi mãi không ra khỏi. Vì vậy chư Phật ra đời cứu khổ chúng sanh là chỉ cho mọi người con đường giác ngộ, có giác ngộ mới thoát ly sanh tử, được giải thoát. Cho nên chúng ta tu Phật, mục đích không gì hơn là từng bước, từng bước đi trên con đường giác ngộ.

Bây giờ có người khi cha mẹ mất, đến ngày làm tuần, liền dán cho cái nhà lều, tôi tớ, đốt xuống dưới để ba má có chỗ ở, có người hầu hạ sung sướng hoặc sợ ba má nghèo thiếu, nên mua giấy tiền vàng bạc đốt cho thật nhiều, để cho ba má xài. Đó là tư cách của người mê lầm, vì làm việc không có ý nghĩa gì hết. Nếu cha mẹ làm tội mới đọa xuống địa ngục, khi đã có tội làm sao dùng nhà lều xe hơi được. Như một ông lớn quyền thế trên thế gian, có con phạm tội nặng bị nhốt trong tù. Ông đem xe hơi vô cho con đi chơi được không? Đem vô cũng đâu đi được vì bị nhốt. Cũng vậy, nếu cha mẹ xuống địa ngục là đã làm tội, vậy mà đem xe hơi nhà lều xuống để dùng thì chuyện vô lý quá. Vô lý mà vẫn làm có phải là si mê không? Rõ ràng đang si mê. Học đạo giác ngộ mà làm việc si mê, như vậy đúng là con Phật chưa?

Bồ-tát giác ngộ từng phần, còn Phật tử thì giác ngộ nhỏ xíu thôi, cho nên không dám nói từng phần mà chỉ nói giác ngộ chút chút, giác ngộ còn con, nhưng cũng là những người đang đi trên con đường giác ngộ. Vì vậy chúng ta phải nhìn xem việc làm của mình có đúng như Phật dạy không.

Phật dạy tu phải biết lý nhân quả. Chúng ta gieo nhân lành gặp quả lành, tạo nhân ác phải chịu quả ác. Nhân lành và quả lành theo nhau chớ không tách rời, nhân ác và quả ác cũng thế. Như hiện giờ Phật tử có những tai họa phải chịu khổ đau, thì biết tại vì mình đã tạo nhân ác từ trước bây giờ quả ác đến, chúng ta khổ đau. Tự biết đó là nhân không tốt của mình đã tạo, thì bây giờ phải làm sao cho hết nhân ác ấy, phải tu thể nào để không còn tái phạm nhân đó nữa, như vậy mới hết khổ.

Phật tử bây giờ đi chùa, khi gặp hoạn nạn đến cúng một ít cho Tam bảo rồi xin Phật cho gia đình con được bình an hết hoạn nạn, cho con cái con được thi đậu... Phật đâu có cho được, vì Ngài thường dạy "Ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai hết". Thế mà quý Phật tử đi chùa cứ xin Phật hoài.

Như vậy là mê hay giác? Xét bao nhiêu đó cũng đủ thấy Phật tử có xứng đáng là con Phật chưa?

Chúng ta phần nhiều đi trong mê lầm, chớ không đi trên đường giác ngộ. Người Phật tử phải hiểu đúng lý nhân quả của Phật dạy, mình làm thì mình chịu chớ không bắt Phật chịu. Phật tử còn cầu xin Phật việc này việc nọ là chưa có can đảm, chưa thực hành theo lời Phật dạy. Muốn hết khổ phải làm điều lành, cứu giúp mọi người cho quả khổ giảm nhẹ, chớ còn xin Phật cho sao được. Nếu Phật cho được thì Ngài đã không nói nhân quả. Đã nói nhân quả thì biết Phật không cho được. Đây là một luật công bằng, không thể vì chúng ta là người thân của Phật rồi Ngài giảm cho nhẹ tội. Trong kinh, Phật nói rằng: Người không phải đạo Phật làm mười điều ác, chịu khổ đúng như nhân mình đã tạo; người theo đạo Phật làm mười điều ác, cũng chịu khổ đúng như người kia không khác. Luật nhân quả luôn luôn công bằng như vậy.

Nói thế Phật tử sẽ hoang mang, mình tu theo Phật mà Ngài không che chở gì hết? Có chứ, nhưng cách che chở của Phật rất đặc biệt. Tôi kể lại một câu chuyện xưa thế này. Khi đức Phật còn tại thế, bà Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc tu chứng quả A-la-hán rồi. Trên đường đi, bà gặp mấy đứa trẻ mười tám, hai mươi tuổi bà rủ đi tu, thọ giới Tỳ-kheo Ni. Mấy cô thưa: "Chúng con còn ham ăn, ham ngủ quá, đi tu lỡ phạm giới đọa xuống địa ngục làm sao?" Bà nói: "Không sao đâu, nếu lỡ phạm giới đọa địa ngục rồi trả hết tội, lên tu nữa". Lời này có phải đùa không? Đó là một sự thật. Bởi vì nếu người không tu, phạm tội đọa địa ngục dĩ nhiên phải xuống địa ngục. Bây giờ chúng ta có tu, có thọ giới, phạm tội đọa địa ngục, cũng xuống địa ngục nhưng khác hơn người. Kẻ kia xuống địa ngục, khi hết tội trở lên họ không biết đường tu, còn chúng ta khi hết tội, trở lên do còn chủng tử thọ giới tu tập lúc trước, nên bây giờ sớm thức tỉnh, hơn được hạt giống lành đó.

Như ở thế gian nhiều người sinh ra được giàu sang, quyền quý nhưng lại hung hăng ác độc, như vậy là sao? Không có gì khó hết. Người có phước mới sanh ra trong nhà sang trọng quyền quý, bởi đời trước họ làm được điều lành, dù không theo tôn giáo nào nhưng thấy ai khổ họ cứu giúp. Do có tâm tốt ấy nên đời sau họ được hưởng giàu sang phú quý. Tuy nhiên chúng tử đạo đức không có, nên ai xúi giục điều xấu họ cũng có thể hưởng ứng theo. Nếu người vừa làm phước lại còn qui y Tam bảo, thọ trì ngũ giới thì đời sau sanh ra vừa giàu sang, sung sướng vừa có chủng tử lành, do giới đức đời trước còn, nên họ không rơi vào chỗ dữ ác, tánh tình hiền hòa nhu thuận. Tóm lại ở thế gian, có người sang quý mà rất hiền lành, có người sang quý nhưng lại hung dữ, đó là do chủng tử đời trước nên đời này hưởng tiếp tục. Người không gieo chủng tử

sẵn, chỉ gặp duyên thì làm phước, thì ngày nay hưởng phước nhưng gặp duyên xấu xúi giục họ cũng làm xấu. Lý nhân quả rõ ràng như vậy.

Chúng ta là Phật tử biết tu theo đạo Phật, là người giác ngộ. Dù giác ngộ ít cũng là giác ngộ, những gì trái với giác ngộ chúng ta không nên làm. Thế mà hiện giờ Phật tử còn cúng sao, cúng hạn không? Còn. Cúng sao cúng hạn là cúng cho ai, được cái gì, quý vị biết không? Nếu không biết mà làm, đó là giặc hay mê? Mê. Sao hạn mình ở chỗ nào, quý vị chưa biết rõ nữa, mà cúng là cúng cái gì? Thật ra sao hạn là theo sách Tàu. Ngày xưa mấy ông đồ nho giỏi đọc sách Tàu, họ bắt chước coi sao hạn theo người Trung Hoa. Từ khi nước mình bị Pháp thuộc về sau, không dạy chữ nho nữa nên các ông đồ lần lần mất hết. Bây giờ muốn coi sao hạn, chỉ còn nhờ quý thầy ở chùa biết kinh chữ Hán, thế là dân chúng đem những cuốn sách nho đến nhờ quý thầy coi giùm. Ban đầu quý thầy từ bi coi giùm. Về sau dân chúng thấy quý thầy coi giùm nhiều người quá, không làm được việc gì, trong chùa hết gạo, chẳng lẽ họ làm ngờ. Thế là thương thầy bỏ công coi giùm nên họ cúng lại vài trăm, mỗi người một chút, lâu ngày chày tháng thành lệ. Từ đó thầy thấy coi bộ được, thôi để thầy coi cho. Rốt cuộc trong chùa sanh chuyện coi ngày, coi tháng, cúng sao, cúng hạn hồi nào không hay.

Đó là nguyên nhân cúng sao cúng hạn, thật ra trong sách Phật không có chuyện đó, Phật còn rầy nữa. Trong kinh Di Giáo Phật dạy các thầy Tỷ-kheo không được xin xâm bói quẻ, không được coi tướng coi sao... vậy mà bây giờ một số thầy cho đó là việc làm chính của nhà chùa thì thật là sai lầm lớn. Chẳng qua vì chiều lòng Phật tử, lại thấy có lợi thì làm, chớ không phải chủ trương của Phật dạy. Phật tử phải hiểu thật rõ điểm này để không bị lầm lẫn giữa cái mê và cái giác.

Phật tử khi đã hiểu rồi, thấy việc làm đó vô lý, thử đặt lại câu hỏi “Ngôi sao của mình là ngôi sao nào?” Nếu chúng ta được đi phi thuyền lên cung trăng, chắc sẽ giạt mình vì không thấy ngôi sao nào độ mạng cho mình hết. Bây giờ ngồi đó mà cúng lạy thì thật vô lý quá, không giác ngộ chút nào hết. Vì vậy chúng ta phải sáng suốt, nhận định cho thật kỹ thế nào là lời Phật dạy, thế nào không phải lời Phật dạy. Lời Phật dạy chúng ta mới làm, không phải lời Phật dạy thì không làm. Đó là người đang đi trên đường giác. Không phải Phật dạy mà làm là đang đi trên đường mê, đã lạc vào đường mê thì còn là Phật tử nữa không? Mất tư cách Phật tử rồi, vì Phật tử là con bậc của giác ngộ, thì không thể làm điều mê được.

Phật tử khéo tu, khéo hiểu, ứng dụng trong cuộc sống hiện tại, vừa hợp với lẽ thật vừa làm lợi ích cho mình và mọi người. Chúng ta luôn biết tạo

nhân lành sẽ được hưởng quả lành. Đối với mọi người ta không nở làm cho ai đau khổ, vì làm cho người đau khổ tức là gây đau khổ cho mình. Với người thiếu thốn khổ đau, ta giúp đỡ cho họ bớt thiếu thốn, bớt khổ đau. Đó là ta tạo nhân lành. Người bớt khổ được vui là ta đã tạo niềm vui cho người, cũng chính là gây nhân vui cho mình. Đó là tu. Tu bằng cách luôn nhớ giúp mọi người bớt khổ, được vui. Tu bằng cách đem lại lợi lạc hữu ích cho mọi người, chớ không phải tu là làm những việc vô nghĩa vô lý.

Có người đặt câu hỏi thế này, giả sử ta chưa từng chọc ghẹo ai hết, mà vừa gặp ta họ chửi bới đủ thứ. Như vậy là sao, có nhân quả không? Đây là câu hỏi nhiều Phật tử thấy khó xử, nhưng thật ra cũng không khó. Người chúng ta chưa từng chọc ghẹo, chưa làm gì cho họ phải bực bội, mà bây giờ bắt thần gặp mình họ chửi. Đứng trên mặt nhân quả mà nói, có oan cho mình không? Thật ra không oan chút nào cả.

Bây giờ tôi đặt câu hỏi lại, như bình thường Phật tử chưa từng biết người đó, chưa có quan hệ gì với người đó, vậy thì có bao giờ họ dám đứng trước mặt mình, họ chửi không? Không. Bởi vì họ chưa biết mình nữa, có đâu mà buồn phiền. Nhưng khi đối diện với mình mà người kia chửi được, chứng tỏ họ đã từng buồn phiền ta nhiều rồi, phải không? Đó là vì ta đã làm khổ họ mà mình quên. Cho nên, đứng về nhân quả mà nói, khi thấy tai họa bất thường đến với mình, chớ vội oán hờn. Mà phải xét lại từ trước đến giờ, mình có làm gì cho người đó buồn không? Khi xét lại không thấy có lỗi gì, thì nhẹ nhàng thưa anh thưa chị, không biết hồi trước đến giờ tôi có làm phiền lòng anh chị không? Nếu người đó nói có, cứ để họ kể ra. Nếu họ kể lầm thì mình nói “Thưa anh thưa chị, đó là do anh chị hiểu lầm, chớ tôi không phải như thế”. Vậy tốt biết chừng nào! Đàng này vừa nghe người ta chửi, vội vàng chửi lại không thua lời nào. Đó không phải là tư cách của một người Phật tử. Người biết tu phải truy xét lại mình, tạo cơ hội cho hai bên thông cảm nhau, thì mọi vấn đề trở thành dễ giải. Đó là ta biết tu nhân quả.

Lại có người nói đời này tôi không làm gì ác mà sao nghèo hoài, làm ăn vất vả lên không nổi? Rồi than trời, trách đất không thương, không ủng hộ, như vậy đúng không? Thấy những người làm ăn sơ sài thành thời mà họ cứ giàu lên, đâm ra đố kỵ người đó. Cho rằng thế gian bất công, đâm ra oán hờn đủ thứ mà không hiểu nhân quả. Đạo Phật nói nhân quả không phải một đời, mà liên hệ tới ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Quả hiện tại chúng ta thọ nhận đây là trả cho cái nhân đã gây trong đời quá khứ.

Ví dụ những người trước đây làm ăn khá giả, bây giờ họ ra thành phố mua một căn phố. Một người khác ở quê lên cũng mua một căn phố ở gần đó. Người khá giả không làm gì mà cuộc sống vẫn sung túc, nhàn nhã, vì họ còn vốn. Người ở quê lên làm lụng rất cần mẫn, siêng năng, mà cuối năm hỏi có dư chưa, chẳng những họ nói chưa dư mà còn thiếu nợ nữa. Quý vị thấy công bằng không? Người ở quê không mà có tiền, còn người làm đầu tắt mặt tối mà thiếu nợ. Nhưng nếu truy nguyên ra, người trước kia có dư họ mua phố vẫn còn dư tiền. Còn người nghèo phải vay tiền mới mua nhà được. Nên khi làm ra tiền mà chưa đủ trả nợ, là phải nhìn lui lại quá khứ của họ. Chúng ta không thể chỉ nhìn ngay trong đời hiện tại mà kết luận bất công được.

Thấy người không làm mà không thiếu, còn người làm nhiều vẫn thiếu, đó là chúng ta chỉ nhìn hiện tại mà quên quá khứ. Vậy nên nhân quả phải biết từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến vị lai. Hiện tại chúng ta tạo nhân xấu thì vị lai phải chịu quả xấu. Hiện tại làm điều tốt thì vị lai hưởng quả tốt. Phật tử biết để ngừa đón nhân xấu và luôn luôn tạo nhân tốt, đó là chúng ta biết tu nhân quả.

Tu tức là chúng ta phải làm sao mỗi ngày đều làm, đều nói, đều nghĩ những điều lành. Ngăn đón không cho nghĩ, không cho nói, không cho làm những việc xấu, đó là chúng ta tu từ gốc. Chúng ta đi trên con đường giác ngộ, trước nhất là giác ngộ về lý nhân quả. Không phải nghe ông đồng bà bóng ở đâu cũng chạy lại hỏi han chuyện này chuyện nọ. Đó là mê tín, không phải chánh tín, không phải đạo Phật. Chúng ta là Phật tử thì rắng tỉnh đừng mê, vì còn mê là còn cội gốc đau khổ.

Tất cả quý vị đi tu là đã có giác ngộ chưa? Có rồi chứ. Nếu không giác ngộ làm sao cạo đầu, mặc áo nhuộm, ở chùa được? Người đời quan trọng trang sức đẹp đẽ, ăn uống ngon lành, mình không trọng những việc đó nên mới bỏ vô chùa, ăn uống đạm bạc, đó là có giác ngộ rồi. Nhưng giác ngộ ấy mới là bước đầu, còn phải giác tiếp tục giác luôn luôn mới được.

Tôi xin hỏi quý vị đã đi tu rồi, có còn sợ chết không? Vẫn còn sợ chết. Thế thì quý vị có biết mạng sống của chúng ta bao lâu? Bảy tám mươi tuổi phải không? Đây là vấn đề tôi muốn nói cho tất cả nhận hiểu. Khi Phật còn tại thế, một hôm Ngài hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Mạng người sống được bao lâu?

Có thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, mạng người sống được mười năm.

Phật nói:

- Ông chưa thấy đạo.

Thầy Tỳ kheo khác thưa:

- Mạng người sống được một năm.

Phật lắc đầu nói:

- Ông chưa thấy đạo.

Cứ thế quý thầy Tỳ-kheo thay nhau trả lời mạng người sống trong ba tháng, một ngày, một bữa ăn... Phật đều lắc đầu nói: "Ông chưa thấy đạo". Đến vị Tỳ-kheo sau chót đứng dậy bạch:

- Thưa Thế Tôn, mạng người sống trong hơi thở.

Phật gật đầu nói:

- Ông đã thấy đạo.

Như vậy chữ đạo ở đây là gì? Là lẽ thật, là chân lý. Muôn người như một, có người nào còn hơi thở mà chết đâu. Chỉ khi thở khi ra không hít vô mới chết. Thế thì mạng sống chỉ trong hơi thở chớ gì? Bao nhiêu triệu người trên thế gian cũng vậy. Nói gần, nói xa gì cũng sai hết, chỉ nói mạng sống trong hơi thở là đúng lẽ thật.

Đạo Phật nói lẽ thật, nhưng con người không quen nghe lẽ thật nên hơi buồn. Buồn vì mạng sống mỏng manh quá, thở ra không hít vô thì chết. Nghe thế có người sanh ra sợ, từ sợ nên không dám nói mạng mình ngắn ngủi, cứ tưởng mình sống lâu cho vui một chút. Người tu phải thấy mạng sống trong hơi thở, đó là lẽ thật.

Nhưng khổ nỗi, lẽ thật nói ra người ta lại không ưa. Như ngày mừng một Tết, Phật tử tới chùa, quý thầy chúc: "Chúc đạo hữu mạng sống trong hơi thở" thì bảo ông thầy trừ mình. Còn người thế gian chúc quý vị sống bá niên giai lão thì vui lắm. Như vậy ở đời người ta chịu nói thật hay nói không thật? Nói không thật mà người ta chịu. Nên con người từ từ bắt chước nói dối với nhau, sống trong dối gạt mà vui, còn ai nói thật thì không chịu.

Người Nhật có kể câu chuyện Hòa thượng chúc tết một vị Phật tử đến viếng chùa đầu năm thế này: Chúc ông nội chết, bà nội chết, cha chết, mẹ chết, anh chết, chị chết, đạo hữu chết, con chết. Vị cư sĩ kia nghe xong hoảng quá, không hiểu sao ông thầy chúc lạ đời vậy. Hòa thượng giải thích, tôi chúc như vậy là hạnh phúc đó. Tại sao? Vì theo thứ tự từ trên xuống ông bà chết trước rồi tới cha mẹ, anh chị, tới mình và sau nữa là con mình. Như vậy là gia đình có hạnh phúc, chỉ sợ con chết mà cha chưa chết mới khổ, mới bất hạnh.

Nhưng người ta nghe nói chết sợ quá, liền tức giận. Cho nên nói đời không chịu nghe lẽ thật, chỉ thích nghe những lời dùa nịnh, tô điểm cho vui mà không ngờ đó là gạt nhau. Đạo Phật là đạo giác ngộ, mà giác ngộ thì nói lẽ thật, chứ không nói chuyện bằng quơ. Lẽ thật mới nghe hơi đau lòng một chút, nhưng hiểu rồi việc tu hành sẽ tinh tấn. Như ta nghe mạng sống trong hơi thở, nên quý tiếc từng chút thì giờ, tranh thủ làm gì có lợi cho mình, cho người. Không dám chần chờ vì không biết tất thờ lúc nào. Càng thấy thời gian ngắn ngủi ta càng tinh tấn, đó là cơ hội tốt.

Khi biết rõ trên đời này không ai sống mãi, có ngày phải chết, nên chúng ta thấy chết là một lẽ thật, không chạy trốn đâu được. Gần đây tôi đặt câu hỏi với một số Tăng Ni: Giả sử quý vị đang ngồi nói chuyện với người bạn thân, có ai đến nói thầy cô là giả, người bạn này cũng giả. Nghe như vậy quý vị vui không? Chắc là không vui. Nhưng lúc ấy lỡ người bạn bị cơn đau tim ngã ùng ra chết, bấy giờ nói sao? Mới phút trước đang nói chuyện với mình, bây giờ tắt thở rồi. Nếu người bạn không thật thì mình thật không? Không thật. Thế nhưng ta còn mà nói không thật thì không chịu, chừng nào tắt thở mới chịu, nhưng lúc đó đâu còn mà chịu hay không chịu. Thật tình con người không dám nhận lẽ thật.

Khi biết thân này không thật, có ai chửi ta nghĩ mình không thật thì lời chửi có thật đâu, nên không quan trọng gì hết. Giả sử gặp cảnh buồn cũng không quan trọng. Được thế ta không còn làm lẫn và cũng không tham đắm mọi thứ trên thế gian này. Nếu có của chia sẻ với nhau mà sống, vui vẻ được ngày nào tốt ngày ấy, vì đâu có cái riêng cho mình. Mọi người khi biết được lẽ thật rồi, ứng dụng tu rất hay, rất có kết quả.

Chúng ta cứ tưởng làm mọi sự là thật, nên ai nói gì trái ý là giận, làm gì buồn phiền nhớ hoài không bỏ. Ôm ấp mãi tới ngày nhắm mắt đi đâu? Trong nhà Phật chia ra sáu đường, đường xấu nhất là địa ngục, kế là ngạ quỷ, kế nữa là súc sanh, đây là ba đường ác. Tốt hơn là ba đường lành tức người, a-tu-la và trời. Hiện giờ ai nuôi tâm thù oán, giận hờn, ác độc, tham lam... là đi ba đường dữ. Còn ai có tâm thương người, cứu giúp kẻ nghèo khó, làm việc lợi ích cho mọi người sẽ đi trên ba đường lành.

Bây giờ quý Phật tử thử kiểm lại trong lòng mình, xem có đủ các đường đó không? Khi thì mình dữ như cọp, lúc lại hiền như voi. Ngày nay chúng ta biết nhân nào đưa xuống địa ngục phải chừa tránh đi, nhân nào đưa mình trở lại làm người, hưởng phước báu thì cố gắng làm. Đó là chúng ta khéo tu, chớ đừng ý lại, đừng cầu xin. Phật tử mình có tất hay ý lại quá, cứ mỗi tháng cúng chùa vài ba trăm gì đó, rồi mời thầy lại cầu an. Nếu thầy không đi liền giận, nói thầy không thương. Cha mẹ mất mời

thầy tới cầu siêu, mỗi tuần phải đến. Nếu tuần nào thầy bận việc không đi được cũng buồn, cũng giận. Như vậy Phật tử tu giỏi chưa? Nếu tu giỏi, biết rằng cha mẹ khi sanh tiền làm lành thì được hưởng phước lành, còn làm ác thì chịu quả ác. Quý vị thương cha mẹ thì tới chùa nhờ quý thầy tụng kinh cầu nguyện, trợ lực một phần thôi, để thời giờ quý thầy tu học. Nếu một trăm bốn đạo có đám, một trăm chỗ mời các thầy đi. Đi riết đâu có thì giờ mà tu, đã không tu thì làm sao có công đức cầu an cầu siêu cho quý vị.

Đó là Phật tử thương hay hại quý thầy? Muốn cho đạo được tốt hay làm cho đạo suy vi? Phật tử mời quý thầy không đi thì buồn, nghĩ mình cúng chùa nhiều mà mời không đi. Thôi ngang đây từ già không đến chùa nữa. Nghĩ như thế có phải là tu chưa? Hiểu cho đáo để, người Phật tử chân chính phải biết trọng thời giờ tu hành của quý thầy, quý cô. Làm sao ủng hộ quý thầy quý cô tu được, không nên nghĩ riêng tư cho mình. Đó là người Phật tử hiểu đạo, quý đạo.

Nhiều người cho rằng, cúng quý thầy quý cô giống như đóng tiền bảo hiểm vậy. Khi nào ba má bệnh rước thầy cô về cầu an, nếu chết rước về cầu siêu. Thầy cô làm hết cho mình, lúc nào cũng trông cậy, ý lại vào thầy cô. Ý lại như vậy là mê chớ không phải giác, tinh thần này không phải của người Phật tử. Quý vị nên hiểu thật kỹ, chúng ta tu xứng đáng là người Phật tử chân chính, đừng tu cho có tiếng mà không thực hành gì cả.

Tôi mong tất cả Phật tử thương Tăng Ni, trợ lực giúp đỡ cho Tăng Ni có thời giờ tu được, có thờ giờ nghiên ngẫm Phật pháp, có thì giờ tọa thiền tụng kinh. Thầy cô tu có kết quả rồi, khả dĩ mới đem lại lợi ích an vui chân thật cho quý Phật tử. Đó là nói về tinh thần tu tập chân chánh của Phật tử.

Bây giờ tôi nói qua phần hơi cao siêu hơn một chút. Trong đạo Phật có dạy ba điều để được giải thoát sanh tử: một là giới tuệ, hai là định tuệ, ba là trí tuệ; còn gọi là Giới học, Định học, Tuệ học. Ba môn này nhà Phật gọi là Tam giải thoát môn, tức ba môn tu học để được giải thoát sanh tử. Người Phật tử hay Tăng Ni nào muốn tu giải thoát, đều phải qua ba môn này hết.

Thứ nhất nói về Giới. Ví dụ Phật tử tại gia giữ năm giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu mạnh, không hút á phiện... Giả sử có một Phật tử ban ngày phạm tội trộm cắp, tối về ngồi lẩn chuỗi niệm Phật, lúc đó nhớ Phật hay nhớ món đồ mình lấy của người ta? Ngồi niệm Phật nhưng không biết người ta có đuổi theo mình không, tâm bất an. Như vậy khi phạm giới tâm không an, tâm không an thì tu định không được.

Hàng xuất gia cũng vậy, trong mười giới Sa-di giữ không được thì tự nhiên chúng ta cũng bị bắt an. Ví dụ nhỏ thôi, giới chót của Sa-di là giới không ăn phi thời. Giả sử chiều ăn phi thời một chút, quen như vậy rồi, bữa nào hơi thiếu không ăn có buồn không, có chạy kiếm không? Chắc có. Cho nên giới mình không giữ được tròn, nó cũng làm rối cho mình. Vì vậy người xưa tu giữ giới rất kỹ. Nhờ giữ giới kỹ nên tâm an định, tâm an định thì ngôi thiên mới phát sinh trí tuệ.

Người tu theo đạo Phật phải thực hiện ba môn vô lậu Giới Định Tuệ cho tròn đủ. Vì đây ba môn học không rơi không rớt lại nên được giải thoát sanh tử. Quý Phật tử tại gia nếu giữ tròn năm giới, đời này tu thanh tịnh, đời sau bảo đảm trở lại làm người, vì quý vị đã tu Nhân thừa Phật giáo, giữ tròn tư cách con người. Nếu người xuất gia giữ tròn mười giới trở lên, đó là tu nhân giải thoát. Vì vậy Phật chế giới đi đâu, rồi tới định tức thiên định, sau là tuệ. Nói thiên định, có một số vị tu niệm Phật tưởng mình không có định. Không phải. Trong kinh Di Đà, Phật dạy niệm tới nhất tâm bất loạn, tâm không còn dấy động nữa, đó là định. Tu niệm Phật cũng định, tu thiên cũng định. Được định rồi mới phát sinh trí tuệ phá trừ vô minh, giải thoát sanh tử.

Đạo Phật dạy ngay nơi con người của chúng ta có cái giả lỏng trong cái thật, mà mình không biết. Cái nào giả? Phật bảo Thân tứ đại này là giả dối, vì đủ duyên nó hợp thiếu duyên nó tan. Như vậy duyên hợp rồi duyên tan, có gì thật đâu. Còn thờ nói là thân, tất thờ đâu còn thân nữa mà nói thật. Thân không thật nhưng chúng ta ngỡ là thật, nên chấp vào nó tạo không biết bao nhiêu nghiệp ác. Vì vậy Phật dạy phải thấy rõ thân này duyên hợp, không thật. Đó là điểm thứ nhất.

Chúng ta biết thân không thật rồi, tới tâm có thật không? Tâm của chúng ta là gì? Chữ Tâm chữ Hán chỉ cho cái biết. Cái biết đó chúng ta đang mắc kẹt bởi những suy nghĩ, hơn thua, phải quấy, tốt xấu, được mất... rồi cho cái suy nghĩ đó là tâm mình. Nếu suy nghĩ là tâm thì từ sớm tới chiều, quý vị suy nghĩ chừng bao nhiêu lần? Vô số. Nghĩ này lặng, nghĩ khác dấy lên liên miên. Cái nghĩ đó chợt có rồi mất, như vậy nói nó thật được không?

Vậy mà chúng ta chấp cái suy nghĩ đó là tâm mình thật, rồi bao nhiêu phiền hà, buồn vui, khổ đau đều cho là tâm mình. Tâm tôi vui, tâm tôi buồn, tâm tôi khổ... Thế thì chúng ta có bao nhiêu tâm? Từ khi cha mẹ sanh cho tới lúc nhắm mắt, mình là một hay nhiều? Ta chỉ có một, chớ đâu phải nhiều. Nếu khi nghĩ lành là tâm mình, thì lúc nghĩ dữ là tâm ai? Nếu nghĩ lành cũng mình, nghĩ dữ cũng mình, nghĩ phải cũng mình, nghĩ quấy cũng mình, thì mình là cái tùm lum phải không? Nên biết cái suy nghĩ đó không phải thật mình. Chúng ta vì lầm nó là mình

nên chấp chặt vào đó, rồi sanh ra thù oán giận hờn, tạo nghiệp đi trong sanh tử.

Bây giờ muốn thoát trầm luân sanh tử thì phải dừng tâm tạo nghiệp. Đó là một điều hết sức khó, nhưng chúng ta có khả năng làm được. Tại sao? Vì muốn dừng chạy theo nghĩ suy hơn thua phải quấy, chúng ta chỉ việc nhớ thân này không thật, tâm suy nghĩ phân biệt cũng không thật, nên không chạy theo nó. Không chạy theo tâm lăng xăng đó, lúc đó chúng ta biết hay không biết? Ví dụ khi quý vị ngồi chơi trong vườn mát một mình, không nghĩ gì hết, lúc đó có biết không? Gió thổi nghe mát, chim kêu nghe tiếng, ai đi ngang ta đều thấy biết rõ ràng. Cái biết đó tức là tâm chân thật vậy.

Chúng ta có cái tâm thàm lặng không sanh không diệt luôn hiện hữu, mà mình quên. Vì quên nên ta cứ chấp thân sanh diệt là mình, tâm sanh diệt là mình. Cứ thế tạo nghiệp luân hồi không có ngày cùng. Cho nên Phật dạy tu là định, là yên cái tâm sanh diệt đó. Để cho nó lặng xuống mà mình vẫn hiện tiền, vẫn biết, chừng đó mầm sanh tử mới hết. Nên nói định rồi tới tuệ, tuệ tức là giác ngộ viên mãn.

Nếu muốn tu ra khỏi sanh tử phải đi từ Giới Định Tuệ. Phật thấy rõ nơi con người chúng ta có của quý mà mình không biết. Nên trong kinh Pháp Hoa, Phật ví dụ kẻ nghiền rượu đi lang thang xin ăn khổ sở. Chợt gặp người bạn giàu dẫn về đãi đằng xong, anh bạn có việc gấp phải đi. Trước khi đi, anh lấy hòn ngọc quý bỏ trong túi áo người bạn nghèo, nghĩ rằng tới chừng tỉnh dậy, anh bạn sẽ mò trong túi lấy hòn ngọc quý ra dùng, sẽ trở nên giàu to. Không ngờ bạn anh không biết, vẫn cứ đi ăn xin lang thang. Tới chừng gặp lại, người bạn liền quở "Tại sao ngày xưa tôi cho anh hòn ngọc quý, mà anh vẫn còn đi ăn mày?" Chừng đó người bạn nghèo mới sờ vô túi, thấy mình có hòn ngọc quý mà bấy lâu nay không biết.

Hòn ngọc quý đó Phật dụ cho tâm chân thật hiện tiền sẵn có nơi mỗi chúng ta. Tâm này là cái biết hằng hữu không sanh không diệt, luôn hiện tiền nơi mình, nên gọi là hòn ngọc quý. Còn cái biết hơn thua phải quấy... là cái biết sanh diệt, tạo nghiệp. Nghĩ lành thì tạo nghiệp lành, nghĩ dữ thì tạo nghiệp dữ. Tạo nghiệp lành thì đi đường lành, tạo nghiệp dữ thì đoạ đường dữ. Nên cái biết suy nghĩ phân biệt không ra khỏi sanh tử.

Tất cả pháp tu của đức Phật dạy cuối cùng đều qui về chỗ định tâm. dừng được tâm sanh diệt, tâm tạo nghiệp thì mới giải thoát sanh tử. Như giáo lý Nguyên thủy dạy tu cho tới Diệt thọ tưởng định mới chứng quả A-la-hán. Pháp niệm Phật dạy phải niệm Phật tới nhất tâm bất loạn, nghĩa là không còn một niệm lăng xăng, mới thấy Phật Di-Đà. Còn giáo lý

Đại thừa dạy pháp Lục độ: bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ. Rõ ràng từ thiền định mới có trí tuệ. Trí tuệ này là trí tuệ vô sư, siêu xuất thế gian.

Ngày xưa đức Phật ra đời cách chúng ta hơn hai ngàn năm, chưa ai dám nói ngoài vũ trụ này có vô số thế giới. Vậy mà với trí tuệ siêu việt này, đức Phật thấy thế giới nhiều như cát sông Hằng. Như vậy đủ biết trí vô sư có năng lực lớn lao đến thế nào. Nơi mỗi chúng ta có khả năng phi thường mà mình không biết, cứ dùng những thứ tạm bợ tầm thường làm chỗ tựa cho mình. Chấp thân sanh diệt là mình, chấp tâm sanh diệt là tâm mình mà quên cái tâm hằng giác thanh tịnh, sáng suốt. Nếu ta lặng được tâm sanh diệt thì mới giác ngộ viên mãn, gọi là thành Phật.

Nói đến người tu là nói đến người đang làm một việc phi thường, chứ không phải tầm thường. Nhưng đáng thương, gần đây Tăng Ni hay làm việc tầm thường, không dám vươn lên chỗ phi thường kia. Cái đó là cái khả năng sẵn có của mình, chứ không phải không có. Vì đang có nên chúng ta có quyền trở về với nó, có quyền hưởng những kỳ đặc mà nó đã chứa sẵn. Vì vậy nói tới tu Phật là nói tới con đường giác ngộ giải thoát. Người thế gian không bao giờ dám nghĩ tới, chỉ mong đời sau hưởng phước khá hơn đời này vậy thôi.

Nhiều Phật tử nói nghe rất hiền lành, tôi tu không muốn gì hơn là được về Cực Lạc làm tôi tớ cho Phật. Chỉ muốn nhỏ nhỏ vậy thôi! Thật ra Phật dạy chúng ta tu để thành Phật, chứ đâu phải làm tôi tớ cho Ngài. Đức Phật là bậc tự thọ dụng, đâu cần ai phải phục vụ. Phật tử tự biện luận cho mình, không dám khai triển năng lực vô hạn nơi mình nên nói nghe như hiền lành vậy. Thật ra đó là tự đánh mất khả năng giác ngộ của mình, rất đáng thương xót!

Chúng ta có phước lớn mới gặp được giáo pháp cao siêu tuyệt vời của Phật. Pháp Phật tuyệt vời vì nó mang tính bình đẳng. Tại sao bình đẳng? Vì Phật có tánh Phật, chúng ta cũng có tánh Phật. Ai cũng có hết, nếu mình biết trở về thì tất cả đều thành Phật. Vậy mà Phật tử không muốn bình đẳng, cứ muốn làm tôi tớ Phật, hài lòng với cái tôi tớ đó, chứ không chịu làm Phật. Mà Phật không muốn cho chúng ta làm tôi tớ Ngài, Phật muốn chúng ta thành Phật như Ngài. Khả năng đó chúng ta làm được, chỉ cần gan dạ biết đúng như thật thôi.

Cho nên tu theo đạo Phật không nên chán nản cũng không nên tự khi mình, mà phải cố gắng. Đừng nghĩ những bậc tôn túc, đức hạnh cao siêu mới làm được, còn mình vô phần. Tất cả chúng ta đều có khả năng đi tới chỗ cứu kính chân thật. Trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật hoặc có chỗ nói đều đã thành Phật. Nói sẽ

thành Phật, chúng ta còn hy vọng, chứ nói đã thành Phật nghe sợ quá. Thành hồi nào đâu? Nhưng thật ra đứng trên mặt vô sư trí sẵn có của mình, Phật nói chúng ta đã thành Phật từ lâu. Vì đã có sẵn tánh Phật rồi nên có sẵn trí vô sư. Nhưng đứng về sự tu hành thì chúng ta cố gắng sống trở về tánh thật ấy, nên nói sẽ được thành Phật.

Chúng ta rất là đủ phước, đủ duyên nên ngày nay ra đời gặp Phật pháp tu hành. Dù không có đức Phật hiện tiền, nhưng pháp của Ngài vẫn còn, chúng ta nên gìn giữ, bảo vệ hạt giống tốt đừng cho nó tiêu mòn, cố gắng nuôi dưỡng càng ngày càng tăng trưởng. Nhất là giới tu sĩ phải làm sao thấy rõ rằng chúng ta có đủ khả năng vươn lên, tiến tới chỗ giải thoát sanh tử, để cứu độ cha mẹ, thân quyến và tất cả chúng sanh. Không phải đi tu để yên phần mình, để được nhẹ nhàng khỏi lo nghèo đói, mà đi tu để làm một việc lớn lao là giải thoát sanh tử, cứu độ chúng sanh đều được giải thoát sanh tử.

Tôi mong tất cả Tăng Ni và Phật tử nghe giảng xong, suy ngẫm kỹ càng, cố gắng tu. Đó là con đường chúng ta đã tìm gặp, không nên bỏ mất, không nên thả trôi uổng một đời quý báu. Mỗi chúng ta phải làm sao tự nhận lại ông Phật của chính mình, sống và trân quý ông Phật đó, mới xứng đáng là người tu Phật chân chánh.

